TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST
Ngày 31 - 3 – 2022
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Việt
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Minh Lắm
Bà Lê Thị Quyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Anh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau

Ngày 31 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 51/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Võ Hoài T, sinh năm 1975 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp 10C, xã TH, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị TT, sinh năm 1975 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp 8, xã NP, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 10/02/2022, nguyên đơn ông Võ Hoài T trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Lê Thị TT tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000, nhưng không có đăng ký kết hôn. Ông và bà TT chung sống được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tôn trọng lẫn nhau, thường xuyên cãi vã với nhau, dẫn đến chung sống không có hạnh phúc nên hai người sống ly thân từ năm 2005 đến nay.

Về con chung: Ông và bà TT có một con chung tên Võ Ái N, sinh ngày 09/11/2002.

Ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông và bà TT được ly hôn, về con chung cháu Võ Ái N đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết, về tài sản chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 10/02/2022, bị đơn bà Lê Thị TT trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Võ Hoài T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000, nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống bà và ông T xảy ra

mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, dẫn đến chung sống không có hạnh phúc nên hai người sống ly thân từ năm 2005 đến nay.

Về con chung: Bà và ông T có một con chung tên Võ Ái N, sinh ngày 09/11/2002.

Bà đồng ý ly hôn với ông T, về con chung cháu Võ Ái N đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết, về tài sản chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục: Nguyên đơn ông Võ Hoài T và bị đơn bà Lê Thị TT có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T và bà TT.

[2] Về hôn nhân: Ông Võ Hoài T và bà Lê Thị TT xác định hai người chung sống như vợ chồng từ năm 2000, nhưng không đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, chung sống không có hạnh phúc nên ông T khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với bà TT. Theo xác nhận của Ủy ban nhân dân xã nơi hai bên cư trú xác định kể từ khi chung sống đến nay ông T và bà TT không đăng ký kết hôn. Xét thấy, ông T và bà TT chung sống như vợ chồng từ năm 2000, kể từ khi chung sống đến nay tuy có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng hai người không đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kết hôn, do đó quan hệ hôn nhân của hai người chưa tuân thủ quy định về đăng ký kết hôn, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Theo Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này". Do đó, đối với khởi kiện của ông T yêu cầu ly hôn với bà TT, không công nhận quan hệ giữa ông T và bà TT là vợ chồng.

[3] Về con chung: Ông T và bà TT có một con chung tên Võ Ái N, sinh ngày 09/11/2002. Đối với cháu N đã thành niên tự lo cho cuộc sống nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Ông T và bà TT xác định không có tài sản chung, không ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Ông T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Ngày 10/02/2022, ông T nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được chuyển thu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận khởi kiện của ông Võ Hoài T yêu cầu ly hôn với bà Lê Thị TT.

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa ông Võ Hoài T và bà Lê Thị TT là vợ chồng.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông Võ Hoài T phải chịu 300.000 đồng. Ngày 10/02/2022, ông T nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010263 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được chuyển thu án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông Võ Hoài T và bà Lê Thị TT có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- CCTHADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP TANDHUM.

Bùi Văn Việt